

**CÔNG TY .....**

**Phòng Nhân sự: .....**

**BẢNG ĐÁNH GIÁ SAU THỜI GIAN THỬ VIỆC**

**(ASSESSMENT FORM AFTER THE TRIAL PERIOD)**

Họ tên (Full-name):..... Chức vụ (job title): .....

Bộ phận: (Dept): ..... Ngày nhận việc (available date):.....

**A. CÔNG VIỆC HIỆN TẠI ĐANG THỰC HIỆN (Xếp theo thứ tự ưu tiên)**  
(Current working assignments – Order of priority):

| STT | CÔNG VIỆC CHÍNH<br>(Main Assignments) | CÔNG VIỆC PHỤ<br>(Secondary Assignments) |
|-----|---------------------------------------|------------------------------------------|
| 1   |                                       |                                          |
| 2   |                                       |                                          |
| 3   |                                       |                                          |
| 4   |                                       |                                          |
| 5   |                                       |                                          |

**B. CẤP QUẢN LÝ TRỰC TIẾP ĐÁNH GIÁ (Điểm số tối đa là 10 điểm)**  
(Assessment of the direct manager – Maximum point is 10):

| STT | SO VỚI YÊU CẦU CÔNG VIỆC<br>(Compare with work requirement)                                       | PHẦN ĐÁNH GIÁ<br>(Assessment) | ĐIỂM SỐ |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|---------|
| 1   | Tính phức tạp<br>(Complex)                                                                        |                               |         |
| 2   | Khối lượng công việc (số giờ làm việc trong ngày)<br>(Workload – Amount of working hour in a day) |                               |         |

|    |                                                            |  |  |
|----|------------------------------------------------------------|--|--|
| 3  | Tính sáng tạo, linh động<br>(Creative, lively)             |  |  |
| 4  | Tính phối hợp, tổ chức<br>(Co-ordinate, organized)         |  |  |
| 5  | Tinh thần trách nhiệm<br>(Sense of Responsibility)         |  |  |
| 6  | Tính kỷ luật<br>(Disciplinary)                             |  |  |
| 7  | Kết quả đạt được<br>(Achieved results)                     |  |  |
| 8  | Kinh nghiệm giải quyết<br>(Experiences of solution)        |  |  |
| 9  | Kỹ năng chuyên môn<br>(Professional skills)                |  |  |
| 10 | Khả năng quản lý điều hành<br>(Ability to manage, control) |  |  |

TỔNG ĐIỂM TỐI ĐA (Nếu đánh giá toàn bộ các chỉ tiêu): 100